



zì shā

自杀

Verb · to kill oneself

Example Sentence

nǐ nán dào méi yì shí dào cháng qī áo yè shì yì zhǒng màn xìng zì shā ma
你难道没意识到 长期熬夜是一种 慢性自杀吗？

Don't you realize that staying up late
long-term is a form of chronic suicide?

Trace each character, then write the word on your own.

自	自	自	自	自	自	自	自	自									
杀	杀	杀	杀	杀	杀	杀	杀	杀									